TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN DƯƠNG** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST Ngày: 18-7-2022 V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN DƯƠNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Hoài Thị Hà Khuyên

Bà Bùi Thị Nhàn

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Chính - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thanh Nhàn - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện An Dương, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm C khai vụ án thụ lý số 56/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2022/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đinh Thị Thu L; địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn C; địa chỉ: Thôn K, xã Q, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 23 tháng 3 năm 2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn Đinh Thị Thu L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị L và anh C kết hôn với nhau do tự nguyện, được tổ chức lễ cưới theo phong tục, có đăng kí kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Quốc Tuấn, huyện An Dương năm 2011. Quá trình chung sống vợ chồng không hoà thuận, hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, xảy ra bạo lực gia đình,

anh C mải chơi nên năm 2018 vi phạm pháp luật. Nay tình cảm không còn, chị L yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh C.

Về con chung: Chị L và anh C có hai con là Nguyễn Thị Kim T sinh ngày 25/10/2011 và Nguyễn Văn T sinh ngày 19/6/2013. Khi ly hôn chị L để cho anh C nuôi hai con; không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuâng theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã C thủ đầy đủ quy định của pháp luật Tố tụng dân sự; Nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); các điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án xử cho ly hôn giữa chị Đinh Thị Thu L và anh Nguyễn Văn C; giao con Nguyễn Thị Kim T và Nguyễn Văn T cho anh C nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn cư trú tại huyện An Dương nên Tòa án nhân dân huyện An Dương thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ Điều 238 của BLTTDS, Toà án T hành xét xử vụ án vắng mặt họ.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị L và anh C được Ủy ban nhân dân xã Quốc Tuấn, huyện An Dương cấp Giấy đăng kí kết hôn số 41 ngày 18/4/2011 nên hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, xảy ra bạo lực gia đình, không còn tình nghĩa và bỏ mặc nhau. Vậy xác định yêu cầu xin ly hôn của chị L đã thỏa mãn những căn cứ cho ly hôn quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình; cần giải quyết cho ly hôn giữa chị L và anh C.

[4] Về con chung: Các bên có con chung như chị L trình bày ở trên là đúng, do anh C đang nuôi. Chị L đồng ý để anh C nuôi hai con là bảo đảm được lợi ích toàn diện và nguyện vọng của con. Vậy giao các con cho anh C nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật là phù hợp với quy định tại các điều 81 và 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên không yêu cầu nên không giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Các bên không yêu cầu nên không giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Đinh Thị Thu L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 92, 147 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, các điều 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đinh Thị Thu L và anh Nguyễn Văn C.

Về nuôi con chung: Giao con Nguyễn Thị Kim T sinh ngày 25/10/2011 và Nguyễn Văn T sinh ngày 19/6/2013 cho anh Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Đinh Thị Thu L và anh Nguyễn Văn C không yêu cầu nên không giải quyết.

Về tài sản chung: Chị L và anh C không yêu cầu nên không giải quyết.

Về án phí: Chị Đinh Thị Thu L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Dương, thành phố Hải Phòng biên lai số 0004138 ngày 30/3/2022. Chị Đinh Thị Thu L đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện An Dương;
- Chi cục THADS h. An Dương;
- UBND xã Quốc Tuấn, huyện An Dương;
(Cơ quan cấp ĐKKH số 41/2011);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Văn Dũng